

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG – TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Vũ Hùng.
2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Năng Hiễn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm: 1996 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1995 (*Có mặt*).

Địa chỉ: Ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 7 năm 2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ H trình bày:

- Về hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu bà và ông Nguyễn Ngọc H đã tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ 06/10/2019 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Thời gian đầu chung sống hòa thuận nhưng đến tháng 02/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ ngày 22/7/2020 bà về nhà cha mẹ ruột tại khu phố 1, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ gia đình nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

- Về con chung: Không có con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Ông và bà H có tổ chức đám cưới và chung sống từ tháng 10/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên bất đồng ý kiến với nhau, ông và bà H đã sống ly thân từ tháng 07/2020 đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trương Thị Mỹ H.

- *Về con chung:* Không có con.

- *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị Mỹ H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc H, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp “Ly hôn ” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Nguyễn Ngọc H cư trú tại ấp A, xã V, huyện T, tỉnh Long An. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

2. Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà H và ông H chung sống từ 10/2019 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không có liên lạc với nhau và không hỏi thăm chăm sóc nhau. Đồng thời, bà H, ông H thống nhất yêu cầu không công nhận vợ, chồng vì không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Không có con.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[4] Về nợ chung: Không có nợ chung.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm.
Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235 và Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trương Thị Mỹ H và ông Nguyễn Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Không có con.

3. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

4. Về nợ chung: Không có nợ.

5. Về án phí:

Bà Trương Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005559 ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, bà H đã nộp đủ.

Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện/tỉnh;
- Chi cục THA DS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Văn Thành